

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 28/2019/DS-ST

Ngày: 15 -7 - 2019

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Giang

Ông Nguyễn Chi Bền

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 - 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa :

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: Số 40-42-44, đường Phạm Hồng T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Anh: Ông Lâm Văn T - Chức vụ : Giám đốc phòng giao dịch B.

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Trần Hoàng N, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1950 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Bích H, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị Trần Bích L, sinh năm: 1981 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Chị Trần Thị P, sinh năm: 1970 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4. Chị Trần Trúc L, sinh năm: 1985(Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K, ông Lâm Văn T trình bày: Vào ngày 08/08/2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần K và bà Phạm Thị H anh Trần Hoàng N có ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LX 0435/HĐTD với số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng, lãi suất cho vay được thỏa thuận là 2% / tháng (tháng 30 ngày), lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng một lần, thời hạn vay là 13 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, việc trả lãi tiền vay được tính vào cuối kỳ. Để đảm bảo cho khoản nợ vay trên, anh N bà H cũng như các thành viên hộ gia đình bà H gồm chị H, chị L, chị L, chị P đồng ý thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng diện tích đất 1.260 m² thửa 257 và quyền sử dụng diện tích đất 8.820 m² thửa 258 cùng loại đất lúa, thuộc tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G748622 đã được chuyển thừa kế cho hộ bà Phạm Thị H vào ngày 20/01/2010. Nhưng kể từ ngày vay cho đến khi hết thời hạn của hợp đồng, phía bà H và anh N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Ngân hàng cũng đã nhiều lần nhắc nhở với hình thức miệng cũng như làm việc trực tiếp với phía bà H, anh N nhưng khách hàng cứ cam kết sau khi kết thúc vụ lúa sẽ trả khoản nợ trên nhưng vẫn không trả. Chính vì vậy, khoản nợ vay kéo dài thời gian nhằm tạo điều kiện cho phía khách hàng tìm giải pháp trả nợ. Mãi đến năm 2017, đại diện phía Ngân hàng đã trực tiếp làm việc với bà H, anh N và bà H, anh N cũng hứa trả nhưng sau đó không thực hiện đúng cam kết. Vì vậy, Ngân hàng nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên đã khởi kiện. Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu bà H và anh N cùng liên đới giao trả số nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh tính từ ngày 08/8/2011 đến ngày 12-7-2019 là 77.392.083 đồng gồm lãi trong hạn là 7.212.333 đồng, lãi quá hạn là 70.179.750 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại cổ phần K còn yêu cầu anh N, bà H phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng LX 0435/HĐTD. Trường hợp, sau khi án có hiệu lực pháp luật, anh N và bà H không thanh toán được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu tài sản đã được bà H và các thành viên hộ gia đình đã thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay sẽ được tiến hành phát mãi theo qui định của pháp luật để thu hồi nợ. Cụ thể, quyền sử dụng diện tích đất 1.260 m² loại hai lúa, thửa 257 và quyền sử dụng diện tích đất 8.820 m², loại hai lúa thửa 258, cùng thuộc tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G748623 đã được chuyển thừa kế cho hộ bà Phạm Thị H vào ngày 20/01/2010.

Tại bản khai và tại phiên Tòa, bị đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà thừa nhận bà và anh N có ký tên hợp đồng với Ngân hàng Thương mại cổ phần K để vay khoản nợ gốc là 30.000.000 đồng. Còn thời gian nào, hợp đồng tín dụng số mấy bà không nhớ, nhưng thời gian đã lâu. Mục đích bà vay số tiền trên để làm ăn nhưng làm ăn thất bại nên tài sản thất thoát không còn khả năng thanh toán. Nay bà đồng ý trả khoản nợ gốc cũng như nợ

lãi cho phía Ngân hàng. Tuy nhiên, đối với khoản nợ lãi bà yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm cho bà phần nào tiền nợ lãi vì hiện tại bà không còn tuổi lao động nên không có thu nhập.

Bị đơn anh Trần Hoàng N không thể hiện ý kiến bằng văn bản nộp Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Trúc L không thể hiện ý kiến bằng văn bản nộp Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai của chị Trần Thị P, Trần Bích L cũng như tại phiên Tòa, chị Trần Bích H là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Các chị là thành viên hộ gia đình bà H tại thời điểm vay nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần K, bà H là chủ hộ. Các chị xác định việc bà H thế chấp quyền sử dụng đất của gia đình để đảm bảo khoản nợ vay trên, các chị biết nhưng không ý kiến phản đối gì. Các chị xác định không tranh chấp gì với bà H và anh N đối với các thửa đất 257, 258 đã dùng vào việc thế chấp để bảo đảm cho khoản nợ vay. Trường hợp bà H, anh N không trả được nợ thì tài sản đã thế chấp, Ngân hàng yêu cầu phát mãi để thu hồi khoản nợ vay các chị thống nhất và xác định không tranh chấp.

Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa, các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định nhưng còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005, hợp đồng tín dụng có bảo đảm bằng tài sản thế chấp, được đăng ký đầy đủ, đúng theo quy định nên hợp đồng các bên ký kết là hợp pháp. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Nhưng kể từ ngày vay đến ngày xét xử phía anh N – bà H vẫn không thanh toán khoản nợ nào cho Ngân hàng. Nên Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu bà H, anh N trả nợ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d - Khoản 2 - Điều 9; Khoản 7 - Điều 351; Điều 471; Khoản 5 - Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 - Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc buộc bà H, anh N trả khoản nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 77.392.083 đồng (tạm tính đến ngày 12/7/2019). Ngoài ra, phía Ngân hàng còn yêu cầu tính lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng cũng như được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản mà bà H và các thành viên hộ gia đình thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay, đề nghị chấp nhận.

Riêng đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc yêu cầu lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 19.409.184 đồng. Tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng rút lại yêu cầu này. Việc rút lại yêu cầu trên của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Khoản 01 – Điều 147; Khoản 2 – Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bà H, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Riêng bà H là người cao tuổi theo quy định tại điểm d - Khoản 1 - Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà H thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nhưng phải có đơn đề nghị miễn. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ thì bà H không có đơn đề nghị miễn án phí nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện bà Phạm Thị H và anh Trần Hoàng N yêu cầu trả khoản nợ vay gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại Khoản 3 - Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Và anh N – bà H có địa chỉ cư trú thường xuyên tại xã TH Hòa, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm b – Khoản 1 - Điều 35; điểm a - Khoản 1 - Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

Anh Trần Hoàng N, chị Trần Trúc L, chị Trần Bích L và chị Trần Thị P với tư cách là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện. Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N, chị L vắng mặt không có lý do. Riêng chị L, chị P có đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh N, chị L, chị P, chị L là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K và anh Trần Hoàng N và bà Phạm Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LX 0435/HĐTD vào ngày 08/8/2011, với số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng. Và để đảm bảo khoản nợ vay, anh N – bà H đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K quyền sử dụng diện tích đất 1.260 m² loại hai lúa, thửa 257 và quyền sử dụng diện tích đất 8.820 m², loại hai lúa thửa 258 cùng thuộc tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G748623 đã được chuyển thừa kế cho hộ bà Phạm Thị H vào ngày 20/01/2010. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay, bà H thừa nhận khoản nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà H cho rằng do hiện tại không còn khả năng trả nợ nên xin được trả khoản nợ gồm gốc và lãi là 60.000.000 đồng. Còn lại, đề nghị Ngân hàng xem xét xóa bỏ phần lãi trên. Đối với yêu cầu trên của bà H không được phía đại diện ngân hàng đồng ý nên căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã được các bên ký kết với các điều khoản thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng mà không ai có ý kiến tranh chấp nên hợp đồng trên được xem là hợp pháp. Do đó, bà H và anh N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K gồm nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng.

Đối với anh N là người có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà H. Tòa án đã thông báo cho anh biết nội dung khởi kiện của Ngân hàng nhưng anh không có ý kiến gì.

Theo quy định tại Khoản 2 - Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh N không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K cũng như chứng cứ do Ngân hàng Thương mại cổ phần K cung cấp. Trong khi đó, bà H cùng là đồng bị đơn với anh N có ý kiến thống nhất các khoản nợ phải trả theo hợp đồng đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định anh Trần Hoàng N và bà Phạm Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà và anh cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng điểm d - Khoản 2; Điều 9; Điều 471; Khoản 1 - Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc buộc bà Phạm Thị H và anh Trần Hoàng N cùng liên đới trả cho số tiền gốc 30.000.000 đồng cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng Thương mại cổ phần K, Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LX 0435/HĐTD được các bên tự nguyện ký kết, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Giữa các bên thỏa thuận về lãi suất, thời gian thanh toán khoản nợ lãi vào cuối kỳ nhưng đến hạn trả nợ theo hợp đồng, anh N – bà H vẫn không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng Thương mại cổ phần K cũng đã nhiều lần nhắc nhở và cho bà H - anh N tìm giải pháp trả nợ nhưng bà H - anh N không thực hiện đúng cam kết. Căn cứ khoản 01 – Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc buộc anh N – bà H phải trả tổng nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 08/8/2011 đến ngày 12/7/2019 với số tiền là 77.392.083 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc yêu cầu anh N – bà H trả tiền phạt chậm trả lãi với số tiền là 19.409.184 đồng. Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần K xác định rút lại yêu cầu này, việc rút lại yêu cầu này của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 01 - Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của phía Ngân hàng TMCP K là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 2 - Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng Thương mại cổ phần K; Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (12/7/2019) anh N – bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LX 0435/HĐTD ngày 08/8/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K chịu trách nhiệm giao trả lại cho anh N – bà H các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất mà anh N – bà H và các thành viên của hộ gia đình chị Trần Bích H, chị Trần Thị P, chị Trần Bích L, chị Trần Trúc L đã thống nhất thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay, sau khi anh N – bà H tất toán xong khoản nợ trên.

Áp dụng Khoản 01 - Điều 351; Điều 299; Khoản 7 - Điều 323 của Bộ luật Dân sự; Trường hợp anh N – bà H không trả nợ sau khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm khoản nợ vay để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 1.260 m², loại hai lúa thửa 257 và quyền sử dụng diện tích đất 8.820 m², loại hai lúa thửa 258 cùng thuộc tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G748623 đã được chuyển thừa kế cho hộ bà Phạm Thị H vào ngày 20/01/2010.

[3] Về án phí: Áp dụng Khoản 1 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 02 - Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1, phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần K được chấp nhận nên buộc bà H - anh N cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 107.392.083 đồng x 5% = 5.369.604 đồng (làm tròn là 5.370.000 đồng). Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà H thuộc trường hợp được miễn tiền án phí nhưng phải có đơn đề nghị. Tuy nhiên, bà H không có đơn xin miễn án phí, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.631.000 đồng theo biên lai thu tiền số 02467 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 – Điều 26; điểm b - Khoản 1 - Điều 35; điểm a - Khoản 1 - Điều 39; Khoản 1 - Điều 147; Khoản 2 – Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1, phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Căn cứ vào điểm d - Khoản 2 - Điều 9; Điều 350; Điều 355; Điều 471; Khoản 1 - Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 - Điều 91; Khoản 1,2 - Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn bà Phạm Thị H, anh Trần Hoàng N.

Buộc bà Phạm Thị H, anh Trần Hoàng N cùng liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K khoản nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 12 tháng 7 năm 2019 là 77.392.083 đồng (Bảy mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).

Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng Thương mại cổ phần K ; Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (12/7/019) anh N – bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LX 0435/HĐTD ngày 08/8/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K chịu trách nhiệm giao trả lại cho anh N – bà H và chị H, chị L, chị P, chị L các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất đã thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay, sau khi anh N – bà H tất toán xong khoản nợ trên.

Áp dụng Khoản 01 - Điều 351; Điều 299; Khoản 7 - Điều 323 của Bộ luật Dân sự ; Trường hợp anh N – bà H không trả nợ sau khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện G phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm khoản nợ vay theo hợp đồng thế chấp số LX 0001/HĐTC để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 1.260 m² loại hai lúa, thửa 257 và quyền sử dụng diện tích đất 8.820 m², loại hai lúa thửa 258, cùng thuộc tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G748623 đã được chuyển thừa kế cho hộ bà Phạm Thị H vào ngày 20 tháng 01 năm 2010.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi với số tiền là 19.409.184 đồng (Mười chín triệu bốn trăm L chín nghìn, một trăm tám mươi bốn đồng) do nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K rút lại yêu cầu này.

[2] Về án phí: Buộc bà H - anh N cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 5.370.000 đồng (Năm triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.631.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 02467 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày; Đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 15/7/2019); Đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã TH Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

